

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2022/DS – ST

Ngày: 08/4/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

2. Ông Trần Văn Nghị

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Bà H Michan Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 383/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS, ngày 28/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST – TA ngày 28/02/2022; Thông báo dời lịch phiên tòa số 10/TB – TA ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Thị Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 00 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo giấy ủy quyền số 012200 ngày 23/8/2021(có mặt)

+ **Bị đơn:** Ông Huỳnh Ngọc Ch, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 00 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 /8/2021 của bà Trần Thị Thanh T, tại bản tự khai và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hà Thị Th trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 15/7/2019 bà Trần Thị Thanh T có cho ông Huỳnh Ngọc Ch vay số tiền 1.300.000.000đồng. Thời hạn vay 2 năm kể từ ngày 15/7/2019. Lãi suất hai bên thỏa Th miệng là 1,5%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Ch thế chấp cho bà T quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 108; tờ bản đồ số 5. Địa chỉ thửa đất: Phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 922953 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/4/2007 cho ông Huỳnh Ngọc Th, cập nhật chuyển dịch cho ông Huỳnh Ngọc Ch ngày 04 tháng 04 năm 2016 theo hồ sơ số 24118.062016.TA.CVP. Hợp đồng vay được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 15/7/2019.

Sau khi vay phía bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn được bất kỳ khoản tiền nợ gốc hay tiền lãi nào cả. Khoản vay trên đã quá hạn thanh toán, bà T đã yêu cầu ông Ch thanh toán cho bà T toàn bộ gốc và lãi. Tuy nhiên, phía ông Ch không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thanh T đã khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Ngọc Ch phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đồng và khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Sau khi ông Ch thanh toán đầy đủ tiền cho bà T thì bà T sẽ trả lại cho ông Ch giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Ch đã thế chấp cho bà T.

+ Tại bản tự khai ngày 01/12/2021 ông Huỳnh Ngọc Ch trình bày:

Ông Ch thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về khoản vay nói trên là hoàn toàn đúng. Cụ thể:

Ngày 15/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ ông Ch có ký hợp đồng vay bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.300.000.000đồng. Thời hạn vay 2 năm kể từ ngày 15/7/2019, không thỏa Th lãi suất. Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Ch giao cho bà T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 922xx do UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/4/2007 cho ông Huỳnh Ngọc Th, cập nhật chuyển dịch cho ông Huỳnh Ngọc Ch ngày 04 tháng 04 năm 2016 theo hồ sơ số 24118.062016.TA.CVP. Hợp đồng vay được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 15/7/2019.

Sau khi vay phía ông Ch chưa thanh toán cho nguyên đơn được bất kỳ khoản tiền nợ nào cả. Hiện tại khoản vay trên đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, nên ông không thể xoay sở được tiền để trả nợ cho bà T. Nay bà T

khởi kiện yêu cầu ông Ch phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đồng và khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Nguyên vọng của ông Ch là ông Ch vay số tiền sử dụng cho bản thân, không liên quan đến vợ con. Do vậy, ông Ch chấp nhận tự trả cho bà T số tiền nợ gốc 1.300.000.000đồng. Đối với số tiền lãi trong quá trình vay tiền giữa ông với bà T không thỏa Th nên ông không chấp nhận thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX buộc bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi 10%/năm tính từ ngày 15/7/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham dự phiên tòa phát biểu:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn: Sau khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên ông Ch vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Ch.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 323, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần bà T số tiền nợ gốc là 11.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi 10%/năm tính từ ngày 15/7/2019.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2021 của bà Trần Thị Thanh T, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định

quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà T khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch trú tại: Số 00, Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã thông báo đề ông Ch tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên ông Ch không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ch. Tại phiên tòa hôm ông Huỳnh Ngọc Ch vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về bà T số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/7/2019 cho đến ngày vụ án được xét xử. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 15/7/2019 thể hiện ông Huỳnh Ngọc Ch vay của bà Trần Thị Thanh T số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 15/7/2019. Quá trình giải quyết vụ án ông Ch thừa nhận ông có vay bà T số tiền 1.300.000.000đồng, chữ ký viết bên phía người vay là do ông ký và viết ra. Như vậy, ông Ch vay của bà T 1.300.000.000đồng là đúng thực tế. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình. Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, thì bên cho vay (bà T) và bên vay (ông Huỳnh Ngọc Ch) được lập thành văn bản và ông Ch là người trực tiếp viết và ký tên. Hợp đồng vay tiền nói trên được chứng thực tại văn phòng công chứng Đ. Mặt khác, quá trình giải quyết ông Ch cũng thừa nhận, sau khi vay tiền do tình hình dịch bệnh nên đến hạn trả nợ nhưng ông Ch chưa trả được bất kỳ khoản tiền nào cho bà T.

Như vậy, ông Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau:

1. *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa Th khác”.*

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ch phải trả cho bà Trần Thị Thanh T số

tiền nợ gốc 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[6] Về lãi suất: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Ngọc Ch cho rằng quá trình vay tiền giữa ông và bà T không thỏa Th tiền lãi nên ông chỉ đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc cho bà T và không đồng ý thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà T. Người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng tuy trong hợp đồng không thể hiện tiền lãi. Trên thực tế thì giữa bà T và ông Ch thỏa Th miệng lãi suất là 1.5%/tháng nhưng phía nguyên đơn không xuất trình được tài liệu nào thể hiện giữa bà T và ông Ch đã thỏa Th lãi suất khoản vay nói trên là 1.5%/tháng. Còn ông Ch cho rằng quá trình vay tiền giữa ông và bà T không thỏa Th về tiền lãi. Tuy nhiên, Điều 3 của hợp đồng vay tiền giữa bà T và ông Ch thể hiện: “Lãi suất do các bên thỏa Th nhưng không trái với quy định của pháp luật”. Như vậy, giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông Ch có thỏa Th lãi suất nhưng không thỏa Th mức lãi cụ thể, việc ông Ch cho rằng khi ông vay tiền của bà T hai bên không có thỏa Th tiền lãi là không đúng thực tế. Tại phiên tòa bà Hà Thị Th yêu cầu HĐXX tính lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/7/2019 cho đến khi ông Ch thanh toán xong khoản tiền nợ nói trên.

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1/ “Lãi suất vay do các bên thỏa Th. Trường hợp các bên có thỏa Th thì lãi suất theo thỏa Th nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”

2/ Trường không xác định rõ về mức lãi suất và có tranh chấp về lãi thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự”

Đối chiếu với quy định nêu trên. Hội đồng xét thấy do các bên có tranh chấp về phần lãi suất. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà T, bà Hà Thị Th yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi 10%/năm. Xét yêu cầu của phía nguyên đơn không trái quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

Ngày ông Ch vay tiền là ngày 15/7/2019 đến ngày xét xử ngày 08/4/2022 là 02 năm 8 tháng 24 ngày (998 ngày). Như vậy, tiền lãi được tính như sau: $\{1.300.000.000đ \times 10\%/năm (0,83\%/tháng) \times 998 \text{ ngày}\} = 360\,388.888 \text{ đồng}$.

30

Như vậy, cần buộc ông Huỳnh Ngọc Ch phải trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền tổng cộng là: 1.660 388.888 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 1.300.000.000đồng, tiền lãi là 360 388.888 đồng

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/4/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Đối với việc khi vay tiền của bà T ông Ch có giao cho bà T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 922953 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/4/2007 cho ông Huỳnh Ngọc Th, cập nhật chuyển dịch cho ông Huỳnh Ngọc Ch ngày 04 tháng 04 năm 2016 theo hồ sơ số 24118.062016.TA.CVP cho ông Huỳnh Ngọc Ch. Tuy rằng việc ông Ch giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 922xxx có được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 15/7/2019. Tuy nhiên, các bên không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phía nguyên đơn chấp nhận trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 922xxx cho ông Huỳnh Ngọc Ch là phù hợp nên cần chấp nhận

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Do HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T nên bà T được nhận lại 32.805.000đ (Ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 60AA/2021/ 0004614 ngày 11/10/2021.

Do HĐXX buộc ông Huỳnh Ngọc Ch phải tham toán cho bà T số tiền 1. 660 388.888 đồng nên buộc ông Huỳnh Ngọc Ch phải chịu 61.811.666đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính như sau $\{800.000.000đ = 36.000.000 + (860\ 388.888 \text{ đồng} \times 3\%)\} = 61.811.666đ$ (Sáu mươi một triệu, tám trăm mười một nghìn, sáu trăm sáu sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72 Điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 323; Điều 357; Điều 463; Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T.

Buộc ông Huỳnh Ngọc Ch có nghĩa vụ trả cho đơn bà Trần Thị Thanh T số tiền tổng cộng là: 1.660 388.888 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 1.300.000.000đồng, tiền lãi là 360 388.888 đồng.

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/3/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Bà Trần Thị Thanh T có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 922953 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/4/2007 cho ông Huỳnh Ngọc Th, cập nhật chuyển dịch cho ông Huỳnh Ngọc Ch ngày 04 tháng 04 năm 2016 theo hồ sơ số 24118.062016.TA.CVP cho ông Huỳnh Ngọc Ch.

Về án phí: Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thanh T 32.805.000đ (Ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 60AA/2021/ 0004614 ngày 11/10/2021.

Buộc ông Huỳnh Ngọc Ch phải chịu 61.811.666đ (Sáu mươi một triệu, tám trăm mười một nghìn, sáu trăm sáu sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

